



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ

TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

02(70) 2021

ISSN 1859-2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Hoàng Hồng Hiệp

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

TS. Đinh Như Hoài

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng

Bí thư BCH Trung ương Đảng

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền

Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

TS. Hoàng Hồng Hiệp

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính

Viện Nghiên cứu Văn hóa

GS.TS. Eric Iksoon Im

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Bằng Tâm

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuấn

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BIÊN TẬP TRỊ SỰ

ThS. Châu Ngọc Hòe

ThS. Hoàng Thị Thu Hương

CN. Lê Thị Vân

Mục lục

Quan điểm, mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá chiến lược phát triển đất nước trong thời gian đến <i>Đảng Cộng sản Việt Nam (2021)</i>	3
Tội phạm xuyên quốc gia trên Biển Đông trong những năm gần đây <i>Nguyễn Thanh Minh, Nguyễn Xuân Cường</i>	8
Xuất nhập khẩu của Việt Nam trong bối cảnh hiện nay <i>Nguyễn Thị Thoa</i>	21
Năng lực lãnh đạo, văn hóa doanh nghiệp và kết quả hoạt động tại các công ty lắp máy ở khu vực miền Trung <i>Bùi Thị Minh Thu, Nguyễn Hồ Phương Nhật, Phan Thị Yến Lai</i>	30
Ảnh hưởng của rủi ro cảm nhận đến ý định hành vi giảm thiểu sử dụng đồ nhựa của cộng đồng dân cư ven biển Nha Trang <i>Lê Chí Công, Hoàng Thị Thu Phương</i>	43
Phát triển ngành khai thác thủy sản tỉnh Bình Định <i>Nguyễn Thị Kim Đoàn</i>	53
Hình ảnh con lợn trong tục ngữ tiếng Hàn, tiếng Việt (từ góc nhìn văn hóa nông nghiệp) <i>Hoàng Thị Yến</i>	62
Di cư tự do của các tộc người thiểu số miền núi phía Bắc đến Lâm Đồng từ năm 1976 đến năm 2015 <i>Nguyễn Thị Hà Giang</i>	74

Contents

The Communist Party of Viet Nam's stances, goals, orientations, key tasks,
and strategic breakthroughs for the coming years

The Communist Party of Viet Nam **3**

Transnational crimes in the Bien Dong Sea in recent years

Nguyen Thanh Minh, Nguyen Xuan Cuong **8**

Viet Nam's international trade in the current context

Nguyen Thi Thoa **21**

On management capacity, corporate culture, and performance outcomes
at machinery installation companies in the Central Viet Nam

Bui Thi Minh Thu, Nguyen Ho Phuong Nhat, Phan Thi Yen Lai **30**

The impact of perceived risk to the local people's behavioral intention
of reducing plastic consumption in Nha Trang

Le Chi Cong, Hoang Thi Thu Phuong **43**

Promoting fisheries sector in Binh Dinh province

Nguyen Thi Kim Doan **53**

The image of pigs in Korean and Vietnamese proverbs
(from an agricultural perspective)

Hoang Thi Yen **62**

Free migration of ethnic minorities in the Northern mountains to Lam Dong
province from 1976 to 2015

Nguyen Thi Ha Giang **74**

Phát triển ngành khai thác thủy sản tỉnh Bình Định

Nguyễn Thị Kim Đoan

Học viện Chính trị Khu vực III

Email liên hệ: bong2008@gmail.com

Tóm tắt: Khai thác thủy sản tỉnh Bình Định là một ngành kinh tế quan trọng luôn được quan tâm phát triển. Tuy nhiên, nguồn lợi thủy sản ở tỉnh Bình Định hiện nay đang đối mặt với nguy cơ cạn kiệt do khai thác quá mức. Bài viết này, đánh giá thực trạng phát triển ngành khai thác thủy sản tỉnh Bình Định dưới các góc độ: hoạt động khai thác thủy sản, dịch vụ hậu cần khai thác thủy sản, kết quả khai thác thủy sản, tổ chức hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Bình Định, từ đó xác định rằng, hoạt động khai thác thủy sản tỉnh Bình Định hiện nay vẫn còn nhiều khó khăn bất cập, ảnh hưởng đến sự phát triển của toàn ngành. Trên cơ sở đó đề xuất một số gợi ý chính sách phát triển ngành khai thác thủy sản đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành thủy sản của tỉnh nói chung trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: thủy sản, khai thác, chế biến, hậu cần nghề cá, Bình Định

Promoting fisheries sector in Binh Dinh province

Abstract: In Binh Dinh, fishing is considered a crucial economic sector that has always been paid much attention. However, fish stocks in the province have been becoming at risk of depletion and exhaustion due to over-exploitation. The article is aimed to evaluate the current situation of the fishing industry in Binh Dinh from various dimensions, including fishing activities, logistics services, fishing output, organizing fishing activities in the province, thereby indicating that, the fishing activities in the province has faced various obstacles, affecting other activities in the sector. On that basis, the author proposes a number of policy recommendations to promote the fishing industry, fulfilling the requirements of restructuring the province's fisheries sector in the current context.

Keywords: fisheries, exploitation, processing, fishing logistics, Binh Dinh

Ngày nhận bài: 30/07/2020

Ngày duyệt đăng: 01/04/2021

1. Đặt vấn đề

Bình Định là tỉnh thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ, có diện tích tự nhiên 6.050,58 km², dân số 1,5 triệu người, trong đó lực lượng lao động trong độ tuổi chiếm 53%. Toàn tỉnh có 05/11 huyện, thị xã, thành phố có hoạt động kinh tế biển, đó là các huyện Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước và thành phố Quy Nhơn.

Bình Định có tiềm năng lớn để phát triển kinh tế biển, với bờ biển dài trên 134 km, địa hình ven biển đa dạng với nhiều vũng, vịnh, đầm phá, cửa biển thuận lợi cho việc hình thành các cảng biển, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão. Ven biển Bình Định có 3 đầm phá đã được xếp hạng là Trà Ổ, Đê Gi và Thị Nại, là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá cho phát triển thủy sản cả về khai thác và nuôi trồng. Đây là những vùng nước lợi nằm sâu trong đất liền, thường có cửa

ăn thông với biển tạo thành một vùng tương đối kín, là nơi giao hoà giữa hai nguồn nước ngọt và mặn tạo nên một vùng sinh thái rất đa dạng và phong phú. Bình Định hiện có 162 hồ chứa với tổng dung tích chứa khoảng 575 triệu m³, phân bố khắp 11 huyện/thành phố/thị xã. Ngoài ra, với vùng biển gồm 1.440 km² vùng nội thủy, 2.500m² vùng lãnh hải, 40.000km² vùng đặc quyền kinh tế, Bình Định trở thành tỉnh có vị thế, tiềm năng và điều kiện thuận lợi để phát triển ngành kinh tế biển theo định hướng đã được quy hoạch⁽¹⁾.

Với những lợi thế đó, ngành thủy sản luôn được xác định là một ngành kinh tế quan trọng, trở thành một ngành kinh tế sản xuất hàng hóa lớn, đi đầu trong hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh. Trong những năm qua, ngành thủy sản tỉnh Bình Định có bước phát triển vượt bậc trên tất cả các lĩnh vực: khai thác, nuôi trồng và chế biến, xuất khẩu, góp phần tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của ngành nông - lâm - thủy sản bình quân giai đoạn 2016-2019 (theo giá cố định năm 2010) ước đạt 3,93%/năm; tổng sản lượng thủy sản bình quân đạt 233.876 tấn, tăng 10,8% so với bình quân giai đoạn 2011-2015, trong đó, sản lượng khai thác bình quân đạt 222.604 tấn/năm, tăng 14,1%; sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 11.272 tấn, sản lượng tôm nuôi ước đạt 8.157 tấn⁽²⁾.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình phát triển, ngành thủy sản đang phải đương đầu với sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường quốc tế, các hàng rào kỹ thuật về chất lượng, vệ sinh, an toàn thực phẩm... Mặt khác, thực trạng sản xuất trong tỉnh như: Sản lượng khai thác hải sản đã đến ngưỡng cho phép, nguồn lợi thủy sản ven bờ bị suy giảm nghiêm trọng, trong khi đó các hoạt động khai thác mang tính tận thu, sử dụng phương tiện cấm để khai thác nhưng chưa có biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn; diện tích nuôi trồng thủy sản nước lợ đã khai thác đến mức giới hạn, môi trường các vùng nuôi tôm, ngày càng có xu hướng diễn biến theo chiều hướng bất lợi, nhất là môi trường vùng nuôi tôm nước lợ sau một thời gian khai thác có dấu hiệu quá sức tải của môi trường, nguồn nước vùng nuôi bị suy thoái, ô nhiễm, tình hình dịch bệnh thời gian qua diễn biến phức tạp. Tổ chức quản lý còn nhiều khó khăn, lúng túng; qui mô sản xuất vẫn ở hộ gia đình là chủ yếu; một số nơi phát triển nuôi tự phát; trình độ sản xuất cơ bản vẫn theo phương pháp thủ công. Chính vì vậy, một chiến lược phát triển hợp lý, cùng với những chính sách khuyến khích phát triển các lĩnh vực thủy sản sẽ là động lực để tiếp tục khai thác có hiệu quả tiềm năng thủy sản của tỉnh⁽³⁾.

2. Thực trạng phát triển ngành khai thác thủy sản tỉnh Bình Định

2.1. Số lượng và cơ cấu tàu thuyền

Tính đến năm 2019, toàn tỉnh có 5.999 tàu cá với tổng công suất là 1.908.118 CV, trong đó số tàu cá có công suất từ 90CV trở lên là 3.571, chiếm gần 60% tổng số tàu cá của tỉnh và chiếm 24,44% tổng số tàu các vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, số lượng tàu cá có chiều dài từ 15 m trở lên là 3.300 chiếc; số tàu này bắt buộc phải lắp đặt thiết bị giám sát hành trình.

Bảng 1. Số lượng tàu cá tỉnh Bình Định giai đoạn 2015 - 2019

Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016	2017	2018	2019
Tổng số tàu	Tàu	5.545	5.532	5.413	6343	5999
Tổng công suất	CV	1.107.373	1.509.443	1.673.208	1.861.118	1.908.118
Bình quân	CV/tàu	199,7	272,8	281,9	284,7	318,1

(Nguồn: Chi cục Thủy sản, Sở NN&PTNT tỉnh Bình Định, 2020)

Trong số các tàu thuyền nghề cá của tỉnh, số lượng tàu có công suất lớn ngày càng tăng lên, tàu có công suất nhỏ có xu hướng giảm xuống. Trong đó, tàu có công suất từ 90CV trở lên

chiếm tỷ lệ lớn, đặc biệt là tàu có công suất trên 400CV tăng 50% so với năm 2015 (Bảng 2). Có được kết quả này là nhờ các chính sách hỗ trợ ngư dân theo Quyết định 48 và Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ về tăng cường phát triển ngành thủy sản đã thực sự đi vào cuộc sống, tạo điều kiện thuận lợi cho ngư dân đóng mới, cải hoán tàu cá, vươn khơi bám biển khai thác thủy sản. Ngoài ra, ngư dân còn tự đầu tư đóng mới tàu cá công suất lớn, trang bị hiện đại phục vụ hoạt động khai thác thủy sản. Trong năm 2019, số tàu đóng mới toàn tỉnh tăng lên, toàn tỉnh có 61 chủ tàu đóng mới, trong đó có 48 tàu vỏ thép, 08 tàu vỏ composite và 05 tàu vỏ gỗ. Sau một thời gian đưa vào hoạt động, hiện còn 57 tàu hoạt động, trong đó có 14 hoạt động sản xuất không hiệu quả và có đơn đề nghị xin chuyển đổi nghề hoặc kiếm nghề khai thác.

Ngoài việc hỗ trợ đóng mới tàu cá, tỉnh cũng đã phê duyệt hỗ trợ cho 07 tàu cá, gồm 06 tàu vỏ gỗ và 01 tàu vỏ composite đóng mới theo Quyết định 47/2016/QĐ-TTg với tổng số tiền là 15.364 triệu đồng ⁽³⁾.

Về cơ cấu nghề đánh bắt, có sự chuyển đổi mạnh cơ cấu nghề khai thác từ các nghề khai thác vùng lộng ra vùng khơi, trong đó chuyển đổi mạnh sang nghề lưới vây và câu để khai thác cá ngừ đại dương - một trong những sản phẩm thế mạnh của tỉnh. Qua số liệu bảng 2 cho thấy, sự tăng nhanh của nghề nghề vây và nghề câu, nhất là nghề câu cá ngừ đại dương tăng mạnh. Điều này cho thấy ngư dân Bình Định có lợi thế về mặt ngư trường xa bờ và có kinh nghiệm trong khai thác đánh bắt thủy sản.

Về cơ cấu công suất tàu thuyền, số lượng tàu có công suất từ 400CV trở lên tăng mạnh qua các năm, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tàu thuyền của tỉnh, số tàu có công suất nhỏ ngày càng giảm dần. Điều này cho thấy, chủ trương phát triển ngành khai thác thủy sản đã khuyến khích, tạo động lực để ngư dân mạnh dạn đóng tàu công suất lớn vươn khơi bám biển sản xuất. Những năm qua tuy có sự dịch chuyển đáng kể về cơ cấu tàu thuyền theo hướng tàu có công suất lớn, tuy nhiên thực trạng số tàu có công suất < 90 CV vẫn còn chiếm tỷ lệ khá cao (35% so tổng số tàu thuyền), điều này nói lên khai thác ven bờ vẫn còn nhiều trong sinh kế của đa số cộng đồng ngư dân nghèo ven biển, trong khi đó nguồn lợi hải sản ven bờ đang ngày càng suy giảm.

Bảng 2. Số lượng tàu cá phân theo công suất và nghề đánh bắt

DVT: Chiếc

CHỈ TIÊU	2015	2016	2017	2018
SỐ LƯỢNG	5545	5532	5413	5471
Phân theo nhóm công suất				
Dưới 20 CV	1019	842	728	848
Từ 20 CV đến dưới 50 CV	1185	958	871	847
Từ 50 CV đến dưới 90 CV	509	328	279	260
Từ 90 CV đến dưới 250 CV	517	446	426	441
Từ 250 CV đến dưới 400 CV	1021	927	792	728
Từ 400 CV trở lên	1294	2031	2317	2347
Phân theo nhóm nghề đánh bắt				
Nghề lưới kéo	520	515	500	487

Nghề lưới vây	1418	1462	1449	1426
Nghề lưới rê	385	276	285	282
Mành vó	-	-	-	-
Nghề câu	1902	2184	2243	2087
Trong đó				
Nghề cá ngừ đại dương	858	1290	1419	1313
Khác	1320	1095	936	1189

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Bình Định, 2019)

2.2. Về cơ sở hạ tầng và dịch vụ hậu cần nghề cá

Về cơ sở hạ tầng nghề cá, toàn tỉnh hiện có 04 cảng cá đã và đang tiếp tục được đầu tư xây dựng để phục vụ cho hoạt động nghề cá. Cảng cá Quy Nhơn được quy hoạch là một trong 14 cảng cá loại I của cả nước (theo Quyết định số 346/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ), đến nay đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, tổng vốn đầu tư 45.287 tỷ đồng. Cảng cá Tam Quan là khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Tam Quan - Bình Định đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2012, với chiều dài là 800 m. Cảng cá Đê Gi theo quy hoạch là khu neo đậu kết hợp cảng cá; cảng cá Nhơn Châu đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2000 với tổng chiều dài cầu cảng là 85m, chủ yếu phục vụ cho tàu cá ở địa phương. Ngoài các bến cá đã có tại địa phương ven biển, hai bến cá tại xã Mỹ Thọ huyện Phù Mỹ và bến cá tại xã Nhơn Lý thành phố Quy Nhơn đã được đầu tư xây dựng theo Dự án nguồn lợi thủy sản ven biển vì sự phát triển bền vững – CRSD⁽⁴⁾.

Các khu dịch vụ hậu cần nghề cá đã được đầu tư xây dựng theo hướng xã hội hóa: Đã quy hoạch và cấp phép hoạt động cho 10 cơ sở đóng, sửa tàu cá, phân bố đều trên tất cả các huyện, thành phố ven biển. Về năng lực sản xuất, các cơ sở có khả năng đóng tàu có kích cỡ từ 25-30m, công suất trên 600CV, số lượng tàu đóng mới theo nhu cầu, các cơ sở dịch vụ phục vụ sinh hoạt cho các tàu cá do các doanh nghiệp tư nhân kinh doanh được bố trí tại khu vực gần các cảng cá đáp ứng được cho nhu cầu của ngư dân. Ngoài ra, còn có khoảng 10 bến kéo đẩy tàu cá nhỏ phục vụ cho việc làm nước, sửa chữa.

Công tác dịch vụ hậu cần tại các cảng cá hoạt động ổn định, phục vụ tốt cho đánh bắt hải sản, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm, thu hút tàu thuyền và phương tiện của các địa phương khác về cảng hoạt động mua bán. Hệ thống dịch vụ hậu cần nghề cá phục vụ khai thác hải sản được sắp xếp và kiện toàn theo hướng phát triển các mô hình liên kết, liên doanh, gắn sản xuất với bảo quản chế biến và tiêu thụ. Đến cuối năm 2019 toàn tỉnh có 161 tàu hoạt động về dịch vụ hậu cần nghề cá, chong đèn dẫn dụ cá, cung ứng vật tư ngư lưới cụ, dầu, nước đá, thực phẩm, nước uống và thu mua sản phẩm⁽⁵⁾.

Ngoài ra, ngành thủy sản phối hợp với các cơ quan, các ngành liên quan đã hỗ trợ ngư dân từng bước tiếp cận các kỹ thuật tiên tiến để bảo quản sản phẩm, giảm tổn thất sau thu hoạch, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất.

Cơ sở hạ tầng phục vụ nghề cá tuy đã được đầu tư nâng cấp, xây mới nhưng chưa được đầu tư đúng mức và kịp thời, chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển đồng bộ trong các lĩnh vực khai thác thủy sản của tỉnh.

2.3. Về sản lượng và giá trị khai thác thủy sản

Sản lượng khai thác thủy sản liên tục tăng, năm sau cao hơn năm trước, tốc độ tăng sản lượng bình quân hàng năm 6,6%/năm. So với toàn vùng DHNTB, sản lượng khai thác thủy sản năm 2019 của tỉnh chiếm 23,11% và là tỉnh đứng thứ 1 trong cả vùng về sản lượng khai thác thủy sản, tiếp theo là Quảng Ngãi (242.717 tấn), Bình Thuận (220.354 tấn). Cũng từ số liệu bảng 3 cho thấy, tổng sản lượng thủy sản khai thác toàn tỉnh giai năm 2019 đạt 257.042 tấn, tăng 5,6% so với năm 2018, trong tổng đó, khai thác cá biển là chủ yếu, năm 2019 đạt 222.700 tấn, chiếm 86,64% tổng sản lượng khai thác toàn tỉnh, sản lượng cá ngừ đại dương ước đạt 11.323,2 tấn, tăng 6,3% so với cùng kỳ (năm 2018 đạt 10.050 tấn). Trong thời gian tới cần phải có sự đầu tư, quan tâm hơn nữa của các ngành, các cấp cho nghề khai thác cá biển, đặc biệt là cá ngừ đại dương, ưu tiên giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm sau khai thác đánh bắt để xứng đáng là mặt hàng xuất khẩu hải sản chủ lực của tỉnh Bình Định.

Bảng 3. Sản lượng thủy sản khai thác giai đoạn 2015-2019

ĐVT: tấn

	2015	2016	2017	2018	2019
Các tỉnh DHNTB	885.600	936.826	992.265	106.0954	1.112.209
Bình Định	212.102	221.980	230.454	243.309	257.042
Tỷ trọng (%)	23,95	23,69	23,23	22,93	23,11
Cá biển	117.600	130.000	199.300	214.100	222.700

(Nguồn: Chi cục Thủy sản tỉnh Bình Định, 2020)

2.4. Các hình thức tổ chức sản xuất

Nghề cá tỉnh Bình Định có quy mô nhỏ, khai thác đa nghề, đa đối tượng, phát triển tự phát. Do chưa có mô hình tổ chức phù hợp nên công tác chỉ đạo, quản lý, định hướng sản xuất gặp nhiều khó khăn. Để từng bước khắc phục những hạn chế, khó khăn này, bên cạnh chú trọng thành lập các đội tàu đánh bắt xa bờ có hiệu quả, các tổ chức khai thác cũng được sắp xếp lại theo hướng khuyến khích thành lập các tổ ngư dân đoàn kết khai thác trên biển theo nguyên tắc bình đẳng, hợp tác và cùng có lợi gắn sản xuất với bảo quản để chế biến và tiêu thụ. Tính đến cuối 2019, toàn tỉnh đã thành lập 723 Tổ đoàn kết sản xuất với 2.878 tàu cá tham gia. Thông qua đó, các thành viên có thể giúp đỡ nhau trên biển trong quá trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm... và đặc biệt là có thể ứng cứu nhau khi gặp thiên tai, tai nạn, tàu thuyền hư hỏng trên biển vận chuyển sản phẩm. Ngoài ra trong tỉnh đã thành lập được 01 nghiệp đoàn nghề cá tại xã Tam Quan Bắc, huyện Hoài Nhơn với 141 tàu câu cá ngừ tham gia⁽⁶⁾. Bên cạnh đó, công tác hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong khai thác thủy sản cũng được ngành chức năng, các địa phương chú trọng, như trang bị máy dò ngang cho các tàu cá, nâng cao năng suất khai thác lên 2-3 lần so với hình thức đánh bắt truyền thống trước đây.

3. Những khó khăn, thách thức của ngành khai thác thủy sản tỉnh Bình Định

Có thể nói, bên cạnh những kết quả đạt được, cùng với những thuận lợi, như tiềm năng phát triển thủy sản, ngư dân Bình Định có truyền thống lao động cần cù, có nghề biển lâu đời

với nhiều kinh nghiệm và tay nghề giỏi, chịu đựng sóng gió và ham học hỏi các tiến bộ trong nghề khai thác, trong đó có các nghề chủ lực: lưới kéo, lưới vây rút chì, lưới rê và câu mực; cùng với năng lực khai thác “hùng hậu”, trong nhiều năm qua, nghề khai thác hải sản của Bình Định đã trở thành thế mạnh, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy nền kinh tế - xã hội và bảo vệ an ninh quốc phòng trên biển. Tuy nhiên, hiện nay, ngành khai thác thủy sản tỉnh Bình Định đang phải đương đầu với nhiều khó khăn.

- Ngư trường khai thác chịu nhiều áp lực từ nước ngoài vì những yêu sách tranh chấp chủ quyền; năng lực đánh bắt xa bờ của ngư dân trong tỉnh còn hạn chế do tàu thuyền có công suất nhỏ (dưới 90CV) còn khá lớn (Bảng 2); công nghệ và kỹ thuật khai thác, bảo quản nguồn lợi thủy sản khai thác xa bờ của ngư dân còn lạc hậu nên ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác, đánh bắt; nguồn lợi thủy sản giảm sút, giá cả xăng dầu, nguyên vật liệu tăng cao... Trước đây tàu đánh bắt đi xa bờ nhiều nhất là 100 hải lý, nhưng hiện nay để tìm được luồng cá, tàu phải đi xa bờ 300-400 hải lý.

Theo khảo sát, ngư trường của Bình Định có độ sâu lớn, dốc, thềm lục địa hẹp; vùng biển khơi có nhiều rãnh sâu và gò nổi làm cho đáy biển gồ ghề rất cản trở cho nghề lưới kéo, trong khi đó, từ số liệu Bảng 2 cho thấy, nghề lưới kéo chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng năng lực khai thác với 487 chiếc tàu thuyền tham gia năm 2018, con số này năm 2019 là 696 chiếc. Thêm nữa, trong ngư trường lại thường xảy ra bão, áp thấp, triều cường nên các đàn cá liên tục di chuyển, nguồn lợi thủy sản ven bờ ngày càng cạn kiệt.

- Hiện nay tỉnh Bình Định có 4 cảng cá, không đủ đáp ứng công suất vào ra của các tàu trên địa bàn, dẫn đến tình trạng quá tải tại các cảng cá trên địa bàn tỉnh. Như cảng Tam Quan (huyện Hoài Nhơn) là nơi ra vào của hơn 2,2 nghìn tàu cá với tổng công suất trên 1 triệu mã lực, trong đó có đến 2 nghìn tàu đánh bắt xa bờ, nhiều tàu cá trở về sau chuyến đánh bắt dài ngày trên biển đã không thể vào được cảng mà chấp nhận tốn thêm chi phí để tìm phương tiện hỗ trợ vào cảng, hoặc bỏ thêm một khoản chi phí nhiên liệu đáng kể di chuyển thêm hàng chục hải lý đưa tàu về neo ở cảng Quy Nhơn, gây nên tình trạng quá tải và mất an ninh trật tự tại cảng cá này. Thêm một vấn đề bất cập nữa, sau khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) công bố danh sách 38 cảng cá của 16 tỉnh, thành ven biển trên cả nước được chỉ định để xác nhận nguồn gốc thủy sản thì tỉnh Bình Định có 1 cảng loại I là cảng Quy Nhơn, 2 cảng loại II là cảng Đền Gi và cảng Tam Quan. Thế nhưng, theo Luật Thủy sản 2017 thì các cảng cá ở Bình Định chưa đủ điều kiện để được xác nhận nguồn gốc thủy sản, cùng với khó khăn khi ra vào cảng, nên 50% tàu cá tại Hoài Nhơn đã không về cảng Tam Quan để xác nhận nguồn gốc thủy sản khai thác.

- Vẫn còn tình trạng các tàu cá đã đăng ký nhưng chưa hoàn tất đủ các giấy tờ liên quan. Theo số liệu thống kê, toàn tỉnh hiện còn 1.443 tàu cá thiếu giấy tờ, chiếm 23,6% tàu cá đăng ký⁽⁷⁾. Nguyên nhân chính là do chủ tàu không thực hiện gia hạn lại theo quy định; tự ý cải hoán nhưng không báo cáo cơ quan chức năng để kiểm tra làm lại giấy tờ; hoạt động các nghề khai thác bị cấm theo quy định mới Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT. Điều này một phần do ý thức của người dân, nhưng một nguyên nhân khác đó là do thiếu sự hỗ trợ kịp thời của Nhà nước trong việc cho vay vốn để nâng cấp, sửa chữa tàu thuyền sau một thời gian hoạt động... nên việc vay vốn đầu tư đóng tàu công suất lớn, khai thác xa bờ không thực hiện được; hai là việc cải hoán tàu gặp nhiều khó khăn, rườm rà về thủ tục hành chính...

- Tình trạng sử dụng nghề cấm, sử dụng chất nổ, xung điện mang tính hủy diệt và phá hoại môi trường sống để khai thác thủy sản tuy đã bị phát hiện và xử lý nhưng vẫn tồn tại dai

dễ dàng khiến cho nguồn lợi thủy sản trên các đầm phá, vùng biển ven bờ bị tận diệt, ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sinh thái. Tình trạng tàu cá của ngư dân vi phạm lãnh hải nước ngoài bị bắt giữ xảy ra ngày càng nhiều; từ đầu năm đến nay, có 5 tàu cá cùng với 45 ngư dân ở các xã: Hoài Hương, Hoài Thanh (Hoài Nhơn); Cát Tiến, Cát Minh (Phù Cát)... bị nước ngoài bắt giữ (Sở NN&PTNT Bình Định, 2019). Nguyên nhân chủ yếu là do các đối tượng hoạt động ngày càng tinh vi, có liên kết tổ chức theo dõi, cảnh giới lực lượng tuần tra kiểm soát nên việc phát hiện, bắt giữ các đối tượng sử dụng nghề cấm khó khăn. Công tác phối hợp giữa Chi cục và các phòng Nông nghiệp/kinh tế huyện/thành phố trong quá trình thực hiện phòng chống nghề cấm, nghề hạn chế chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Ngoài ra, công tác tuần tra vùng biển Phù Cát, Phù Mỹ và Hoài Nhơn chưa đảm bảo đúng tiến độ theo kế hoạch do một vài địa phương còn xem nhẹ công tác phối hợp nên chưa thống nhất, chưa cụ thể hóa nội dung phối hợp dẫn tới hiệu quả thực thi chưa cao.

- Trong quá trình khai thác, mặc dù công tác khuyến ngư của tỉnh được quan tâm triển khai đến ngư dân, nhưng vẫn còn nhiều bất cập, việc định hướng mùa vụ, ngành nghề khai thác của các cơ quan chức năng hiệu quả chưa cao, thông tin dự báo nguồn lợi thủy sản chưa kịp thời và đầy đủ; tư tưởng của ngư dân còn mang tính chất sản xuất manh mún nhỏ lẻ, hoạt động còn dựa vào kinh nghiệm và sản xuất riêng lẻ, chưa chú trọng tổ chức thành tổ, đội, tập đoàn để có thể hỗ trợ nhau trong sản xuất và khi gặp rủi ro. Trong khi đó, những năm gần đây vấn đề an ninh trên biển có diễn biến rất phức tạp. Giữa ngư dân địa phương và ngư dân ngoài tỉnh thường xảy ra tranh giành ngư trường, nhất là nạn cướp biển ngày càng hoành hành, thường xuyên tổ chức cướp tàu đánh cá của ngư dân.

4. Một số giải pháp mang tính định hướng nhằm phát triển ngành khai thác thủy sản tỉnh Bình Định

Thứ nhất, thực hiện tốt công tác quy hoạch và rà soát quy hoạch ngành khai thác thủy sản theo đặc điểm sinh trưởng của từng loại thủy hải sản để bảo vệ nguồn lợi thủy sản phát triển theo hướng bền vững. Để thực hiện tốt công tác quy hoạch, cần phối hợp với cơ quan nghiên cứu về Thủy sản, UBND các huyện thành phố ven biển tiến hành xây dựng đề án điều tra đánh giá trữ lượng nguồn lợi thủy sản ven bờ, vùng lộng thuộc phạm vi quản lý. Đồng thời, huy động các nguồn lực xã hội đầu tư mạnh cho ngành khai thác và chế biến thủy sản nhằm tạo ra giá trị gia tăng cao. Công tác quy hoạch phải tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh đầu tư tàu dịch vụ hậu cần trên biển.

Thứ hai, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động khai thác thủy sản xa bờ, khai thác các đối tượng thủy sản có giá trị kinh tế cao và xuất khẩu. Trước hết, tổ chức lại sản xuất khai thác hải sản trên vùng biển ven bờ, vùng lộng và vùng khơi, rà soát lại số lượng tàu thuyền, cơ cấu nghề khai thác phù hợp với ngư trường, mùa vụ. Hai là, khuyến khích và nhân rộng mô hình tổ đội đoàn kết sản xuất trên biển ở giai đoạn đầu, hướng đến phát triển kinh tế tập thể theo các mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã nghề cá là hết sức cần thiết; hỗ trợ ngư dân phát triển các hình thức liên kết ngang theo mô hình tổ, ngư đội, hợp tác xã, nghiệp đoàn nghề cá với các doanh nghiệp thu mua, chế biến, xuất khẩu nhằm tạo đầu ra thuận lợi cho sản phẩm; nghiên cứu triển khai sớm hình thức tổ chức sản xuất theo liên kết chuỗi giá trị sản phẩm, từ ao nuôi, ngư trường đến thị trường tiêu thụ, chuyển mạnh cơ cấu từ chế biến thô sang các sản phẩm giá trị gia tăng và đa dạng hóa các sản phẩm chế biến phù hợp văn hóa, thị hiếu từng thị trường. Ba là, thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ, khuyến khích khai thác hải sản xa bờ; phổ biến, hỗ trợ kỹ thuật khai thác tiên tiến, kỹ thuật bảo quản, phương thức vận chuyển hiệu quả nhằm nâng

cao chất lượng thủy sản sau khai thác, trong đó tập trung đầu tư phát triển khai thác, chế biến và xuất khẩu nguồn lợi cá ngừ đại dương là thế mạnh của tỉnh; tiếp tục định hướng cơ chế chính sách phát triển đội tàu có công suất trên 250CV khai thác cá ngừ đại dương.

Thứ ba, tiếp tục đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nghề cá và hoàn thiện dịch vụ hậu cần nghề cá phục vụ khai thác hải sản.

Nâng cấp các bến cá, cảng cá, chợ cá, khu neo đậu phù hợp với qui mô vùng nước, số lượng tàu cá neo đậu, dịch vụ hậu cần nghề cá; đảm bảo cho tàu thuyền neo đậu tránh trú bão. Trong thời gian tới, để phát huy hết năng lực khai thác của đội tàu Bình Định rất lớn so với hạ tầng nghề cá hiện đang có, cần kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đầu tư nâng cấp cảng cá Tam Quan và một số cảng khác đúng yêu cầu, đáp ứng được các tiêu chí để các tàu thuyền ra vào thuận lợi, đồng thời để xác nhận nguồn gốc thủy sản tỉnh Bình Định giảm áp lực đối với các cảng còn lại. Ở cấp tỉnh, ngành Nông nghiệp cùng các ngành khác tạo điều kiện đầu tư, nâng cấp các cảng cá đang có hiện nay. Nâng cấp mở rộng quy mô các cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu thuyền, trang bị các thiết bị hiện đại và cơ giới hóa việc đóng sửa tàu thuyền, thay thế vật liệu vỏ tàu gỗ bằng các vật liệu khác: sắt, composite, vật liệu tổng hợp ..., đảm bảo các tính năng an toàn hàng hải và phù hợp với nghề nghiệp của ngư dân.

Thứ tư, tăng cường hoạt động quản lý của Nhà nước đối với hoạt động khai thác thủy sản của tỉnh. Thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác thủy sản; kiểm soát nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản thông qua việc tham mưu, đồng thời ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định bổ sung danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Bình Định, xử phạt nghiêm theo Nghị định số 42/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản đối với hành vi vi phạm khai thác thủy sản trái phép vùng biển nước ngoài. Ban hành các chính sách hỗ trợ tìm kiếm, cứu hộ cứu nạn; ngư trường khai thác; hỗ trợ vốn để mua ngư lưới cụ, trang bị phục vụ sản xuất; hỗ trợ nhau về mặt tinh thần; hỗ trợ kết nối thông tin giữa tàu với tàu, giữa biển với đất liền và được đất liền hỗ trợ thông tin về dự báo thời tiết, hướng dẫn phòng chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn. Có chính sách chuyển đổi nghề và sinh kế cho các ngư dân nghèo khai thác ở vùng biển ven bờ, cần định hướng đào tạo nghề cho ngư dân để họ nhanh chóng làm chủ các thiết bị hiện đại và hỗ trợ con em gia đình ngư dân nghèo đi học tại các trường đào tạo nghề thủy sản

Thứ năm, tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về Luật Thủy sản, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thủy sản đến các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện các quy định pháp luật về thủy sản; tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác thủy sản.

Chú thích:

(1), (8) Báo cáo Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản tỉnh Bình Định đến năm 2020 và tầm nhìn 2030, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bình Định, 2015.

(2), (5), (6), (7) Báo cáo Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản tỉnh Bình Định đến năm 2020 và tầm nhìn 2030, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bình Định, 2015.

(3) Quyết định 47/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ Về thí điểm cơ chế hỗ trợ một lần sau đầu tư theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ Về một số chính sách phát triển thủy sản.

(4) CRSD - Dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn giai đoạn 2012-2017 được Ngân hàng thế giới tài trợ.

Tài liệu tham khảo

Chi Cục Thủy sản tỉnh Bình Định. (2020). *Báo cáo tổng kết chương trình hành động của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp - nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020 thuộc lĩnh vực thủy sản*. 3/2020.

Chi Cục Thủy sản tỉnh Bình Định. (2020). *Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch năm 2019 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2020 của Chi Cục Thủy sản tỉnh Bình Định*. 12/2019.

Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bình Định. (2019). *Báo cáo Về việc Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2019*. 11/2019.

Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bình Định. (2015). *Báo cáo Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản tỉnh Bình Định đến năm 2020 và tầm nhìn 2030*.

Cục Thống kê Bình Định. (2019). *Niên giám thống kê*. Nxb Thống kê.

Bộ Công Thương. (2013). *Báo cáo tình hình xuất nhập khẩu thủy hải sản*. Truy xuất từ <http://www.moit.gov.vn/vn/Pages/Trangchu.aspx>, ngày 12/05/2014.